**SỨ MẠNG ĐẠI THỪA**

***Hồng Phúc***

HP

Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (ĐĐTKPĐ) cứu độ nhân loại thoát khỏi cơ tận diệt của thời mạt kiếp, nhưng Ngài không dùng quyền năng của Đấng Tạo Hóa để biến đổi cõi dục giới thành nơi cực lạc, cũng không dùng phép thần thông để chuyển hóa thế gian từ loạn thành trị, mà Ngài giao cho con người quyền pháp tự cứu chính mình, bằng cách tự phát huy năng lực tiềm ẩn mà Ngài đã ban cho mỗi người để có thể hòa mình vào dòng tiến hóa chung của vũ trụ, phù hợp với quy luật Thiên cơ.

- Sự khai mở một nền tôn giáo giữa thời mạt pháp, trước khi kết thúc một chu kỳ vũ trụ của Đấng Toàn Tri Toàn Năng có một ý nghĩa vô cùng vĩ đại. Ngoài ý nghĩa của một sự cứu độ xuất phát từ đức háo sanh đối với con người nói chung, các hàng nguyên nhân nói riêng; quan trọng hơn, đó chính là hồi chuông cảnh báo cuối cùng để cho con người thức tỉnh, nhớ lại sứ mạng vi nhân, tức là trách nhiệm thay Trời tiếp tục công cuộc lập đời nơi cõi hữu giới của những Tiểu Linh quang khi tách rời khỏi khối Đại Linh Quang Thái Cực, mà con người đã vô minh quên lãng do bởi đắm chìm trong dục giới, để phải trải qua vô lượng kiếp luân hồi. Cho nên *“Một sứ mạng Trời dành hai ngõ”* thì *“một ra đi*” cũng đã không tròn trách nhiệm tài thành để cho thế gian này phải trở nên sông mê, bể khổ, đến nỗi sắp sa vòng tận diệt; còn “*một trở lại Thầy”* lại càng mịt mờ bế tắc, chìm đắm mênh mông trong cõi ta bà.

- Đến nay, vũ trụ đã sắp giáp mối tuần hoàn châu nhi phục thỉ, thời gian không chờ không đợi cho chu kỳ tiến hóa theo quy luật tự nhiên nữa. Vì vậy, Đức Cao Đài đã phải mở toang cánh cửa Thiên cơ chỉ rõ đích điểm sinh tồn trong thời mạt hạ trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh, nhằm tạo cơ hội cho nhân loại tìm ra con đường sống bằng sự đoái công chuộc tội của con người, hoàn thành sứ mạng “ra đi”, tức xây dựng một xã hội đại đồng thái hòa an lạc nơi cõi thế gian; cùng lúc với trách nhiệm “trở lại”, tức là quay về tìm sự giải thoát tâm linh bằng con đường công phu tu tánh luyện mạng.

- Để đạt đến mục tiêu của đại cuộc cứu độ trong Kỳ Ba, Đức Thượng Đế không dùng những gì mới mẻ đối với con người, mà Ngài tận dụng tinh hoa ba nền Tam giáo lớn là Nho- Thích- Lão, mà Ngài đã phân chia cho các sứ giả của Ngài mang đến thế gian cứu độ nhân loại trong nhiều thời kỳ khác nhau. Ngài dùng Nho tông để chuyển đổi thế đời; dùng pháp môn Tiên gia cho con người tu tánh luyện mạng, phục hồi Thiên tánh; dùng đường lối Đại thừa của Phật giáo để con người lập đức giải nghiệp vô minh, hầu thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Trong tinh thần đó, ĐĐTKPĐ không chỉ là con đường cứu độ của Đức Cao Đài khai mở cho con người, mà mang tầm vóc một sứ mạng đặc biệt được thực hiện bởi hai cõi sắc– không, tức có sự hợp tác giữa Trời và người nhắm đến cứu cánh Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát, Trời vạch ra kế hoạch, đường lối, phương thức; để cho người thực hành, ứng dụng.

Như vậy, sứ mạng ĐĐTKPĐ cũng chính là sứ mạng cụ thể của một Tiểu Linh Quang đã được đặt để cho con người từ khởi thỉ, “một ra đi lập đời”, tức là làm sứ mạng vi nhân, và đến thời Tam Kỳ Phổ Độ là xây dựng Thế đạo Đại đồng; còn “một trở lại Thầy”, có nghĩa là giải thoát tâm linh, trở về nguyên bổn Đại Linh quang, bằng Thiên đạo, mà Thánh giáo Cao Đài dạy: “*Người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào* ***Sứ Mạng Đại Thừa****.”[[1]](#footnote-1)*

**ĐẠI THỪA LÀ GÌ?**

“Đại” là lớn; “Thừa” trong tiếng Phạn là “Yana”, theo nghĩa là “Cỗ xe” hay “Con đường”.

Hai chữ “Đại thừa” có nguồn gốc khởi phát từ Phật giáo, theo đó, chữ “Thừa” được giải thích là vận tải, vận độ, nghĩa là chuyên chở. Giáo lý của Phật dạy có đủ công năng, phương pháp, dắt đường chỉ lối, chuyên chở chúng-sanh từ cõi trần lao phiền não đến cảnh thanh tịnh an vui, từ biển sống chết luân-hồi đến bến niết-bàn giải thoát, nên gọi là “Thừa”.

**1. Theo Phật giáo**

Đại-thừa, tiếng Phạn gọi là Ma-Ha-Diễn-Na (Mahàyàna) chỉ những giáo lý cao thâm, những pháp môn rộng lớn có công năng độ khắp chúng-sanh, không có tính cách để đối chọi với Tiểu-thừa.

+ Tiểu-thừa, chữ “Tiểu” có những nghĩa: hẹp, nhỏ, thấp. Nghĩa “hẹp” là chỉ cho quan niệm của người tu chỉ lo tự độ, tự tìm sự giải thoát cho riêng mình, không biết đến bao nhiêu chúng-sanh khác đang ở trong biển trầm luân. Tuy nhiên, trong số này cũng có những người theo pháp Tiểu-thừa nhưng có hoài bão độ sanh, được coi thuộc về tâm niệm Đại-thừa. Nghĩa “nhỏ” của Tiểu-thừa, là chỉ cho giáo pháp sơ đẳng chỉ thích hợp, hóa độ được một hạng người, không thích hợp, hóa độ được mọi tầng lớp chúng-sanh. Điểm sơ đẳng này là sự chấp nhận trong phạm vi giáo pháp Tứ-đế, Thập-nhị-nhân-duyên. Mặc dù Tứ-đế, Thập-nhị-nhân-duyên cũng là một phương tiện tu hành độ tha của Đại-thừa. Nghĩa “thấp” của Tiểu-thừa là muốn nói giáo pháp này chỉ đưa người đến quả vị thấp của Thanh-Văn, Duyên-Giác, không đưa đến quả vị cao siêu cứu cánh của Phật-Ðà. Tóm lại “Tiểu-thừa” có ba ý nghĩa: “sự chở tải hẹp, nhỏ, thấp”.

+ Đại-thừa đối lại cũng có ba nghĩa: “sự chở tải rộng, lớn và cao. “Rộng” là độ mình và tất cả chúng-sanh; “lớn” là đủ các pháp môn thích hợp với mọi căn cơ; “cao” là đưa loài hữu-tình đến quả vị Vô-thượng-chánh-giác. Cả hai danh từ Tiểu-thừa, Đại-thừa, nếu mỗi bên thiếu một trong ba ý nghĩa trên, thì không thể thành lập.

Phật giáo Đại Thừa khẳng định mọi giáo lý Đại Thừa đều khởi nguồn từ Đức Phật. Động cơ chính của sự thực hành Đại Thừa là dẫn dắt mọi chúng sinh đạt được giác ngộ, giải thoát khỏi luân hồi sinh tử (Niết Bàn) và đạt được Phật quả được coi như thành quả của nỗ lực tinh tấn cứu độ chúng sinh. Hay nói khác hơn, hành giả sẽ thành Phật nếu thực hành hạnh nguyện vị tha dẫn dắt mọi chúng sinh xa rời đau khổ với sự phát nguyện trì giữ thêm một bộ giới nguyện được gọi là Bồ Tát giới, không phải chỉ trong một đời, mà trong cả các đời vị lai cho tới khi hạnh nguyện được viên mãn. Các Pháp thực hành chính của Phật giáo Đại Thừa bao gồm Lục Độ Ba La Mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.

**2. Theo giáo lý Cao Đài**

- ***Đại thừa là phương pháp tu luyện giải thoát***: ĐĐTKPĐ được khai mở với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên”, hình thành một nền giáo lý có sự chắt lọc kế thừa tinh hoa Tam giáo, nhằm phục hồi chơn truyền Nho giáo, Lão giáo và Thích giáo, cho nên Đại thừa theo giáo lý Cao Đài cũng khái quát ý nghĩa tương tự theo giáo lý Phật giáo là phương pháp tu luyện cao trổi nhắm đến mục tiêu giải thoát khỏi lục đạo luân hồi được Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng xác nhận trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Đại Thừa là phương pháp tu luyện cao trổi hơn mấy độ bực tiểu thừa, để riêng cho hạng người chán đời tầm Đạo, thoát kiếp luân hồi, tầm nơi an nhàn thanh tịnh là cảnh Bồng Lai. Những phép Đại Thừa đó thuộc về tâm pháp bí truyền, cái Thiên cơ bí mật của Thánh nhơn khẩu khuyết tâm truyền để cho người tu bất sanh bất tử.”[[2]](#footnote-2)*

*-* ***Đại thừa là Tự độ- Độ tha:*** Đại Thừa theo giáo lý Cao Đài còn có nghĩa là tự độ, giải thoát bản thân trước tiên rồi tiếp theo là độ tha, giải thoát tất cả chúng sanh. Đặc biệt, trong Tam Kỳ Phổ Độ, “Đại thừa” không chỉ là hoài bão độ sanh của người giác ngộ mà cao hơn, đã trở nên một sứ mạng, tức một nhiệm vụ quan trọng thiêng liêng ràng buộc con người, hay nói chính xác là điều kiện tất yếu để con người thoát khỏi dục giới, tiến hóa lên cõi siêu xuất thế gian.

*-* ***Đại thừa là “Đại học chi đạo”***: Không chỉ Đại thừa là phương tu của Phật giáo, mà còn được Khổng giáo nói đến bằng ý nghĩa “Đại học chi Đạo”, được Đức Chí Tôn xác nhận trong Tam Kỳ Phổ Độ: “*Đại Thừa tức là ‘Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện’.”* Đây là lời của Đức Khổng Tử ghi trong quyển Đại Học, có nghĩa “Đường lối của bậc Đại học ở chỗ làm sáng tỏ năng lực sáng láng, ở chỗ đổi mới mọi người, ở chỗ dừng trong sự tốt lành cùng cực.”

Theo cách nói của Khổng Tử, đầu tiên bậc “đại học” phải giúp cho người học được sáng tỏ chân lý, thấu hiểu lẽ phải; sau đó người học đạt đến chỗ đổi mới, phát triển không ngừng cho phù hợp với yêu cầu của thời đại, hoàn cảnh xã hội và ý cuối cùng là đưa người học hoàn thiện hoàn mỹ bản thân, có nghĩa theo tư tưởng luân lý Nho gia, đạo của bậc học cao là nhằm phục vụ cho xã hội, gần gũi dân chúng để giáo dưỡng họ. Chu Hi thời Nam Tống nói trong Tứ thư tập chú; “Trình Tử nói rằng, Tân tức là bỏ cái cũ, ý nói đã tự mình làm sáng tỏ cái đức sáng của mình, lại phải nên suy ra đến người khác khiến họ cũng có thể bỏ được vết nhơ nhiễm phải từ trước. Chủ trương cảm hóa người khác bằng thực tiễn đạo đức của mình. Đây chính là ý nghĩa rốt ráo của hai chữ “Đại thừa”, đòi hỏi người tu phải đạt tâm chí thiện, làm sáng cái đức của mình, đồng thời làm sáng cái đức của người, tức là Tự độ- Độ tha. Muốn được như vậy, tôn giáo Cao Đài dạy con người phải bước vào Thiên đạo song hành cùng Nhơn đạo như lời xác nhận của Đức Chí Tôn trong Đại Thừa Chơn Giáo về giáo lý Khổng giáo, trải qua mấy ngàn năm lịch sử bị người đời ngộ nhận chỉ thiên về Nhơn đạo:

*“Bực* ***Đại thừa*** *dạy về vô hình, nên cần tu tánh luyện mạng, muôn việc có như không có. Xưa kia Khổng Thánh* ***cũng đã rõ thông chí lý về đại thừa*** *trong lúc Hạng Thác truyền trao, nên sau mới thành đến bực Đại Thành Chí Thánh. Nhưng phần nhiều truyền dạy cho đời là chỉ về đường Nhơn đạo, cứ lo rộng mở cho con người biết luân thường đạo lý. Còn về tâm pháp thì dạy cho có một phần rất ít trong đệ tử thôi. Cho nên đời sau tưởng lầm rằng Khổng Thánh không hề tu luyện đến Thiên Đạo, chớ kỳ trung sao sao cũng phải rõ thông cơ Tạo Hóa, hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành kim đơn thì mới thành Đạo đặng.”*[[3]](#footnote-3)

Tương truyền Đức Khổng Tử có lần cùng học trò đi ngang nước Trần, gặp một cậu bé thần đồng 7 tuổi tên Hạng Thác. Ngài đã có cuộc trò chuyện với cậu bé, trí tuệ của cậu bé đã khiến cho Đức Khổng Tử phải khen là “Hậu sinh khả úy!”. Hạng Thác mất năm 10 tuổi, được lập đền thờ, gọi là Tiểu Nhi Thần, nghĩa là Thần Nhi Đồng, gọi tắt là thần đồng. Chữ “Thần Đồng” cũng có từ ngày đó.

Ngay sau buổi gặp gỡ, tối hôm ấy, Đức Khổng Tử ngồi thẩn thờ trước án, ngọn đèn bạch lạp lụi tàn. Tử Lộ mạo muội vào hỏi Thầy :

- Thầy trầm tư về cuộc tranh luận với Hạng Thác ? - Phải.

- Thầy không vui vì mình yếu lý ? - Không.

Thấy Tử Lộ có ý hồ nghi, nên Đức Khổng Tử nói tiếp:

- Nầy Do, bình sanh ta đi chu du thiên hạ để truyền bá Nhân đạo, mặt luôn luôn hướng thẳng, lòng sáng tựa gương, ý thành, ngôn chính. Còn miệng lưỡi của Hạng Thác là miệng lưỡi của phường biện sĩ, nên có thể chứng minh ngựa trắng không phải là ngựa trắng. Khi xướng thuyết Liên Hoành cũng thuận, mà bày kế Hợp Tung cũng thông. Xét từ bản chất của ngôn ngữ, cuộc tranh luận vừa qua cũng như nước chảy dòng đôi, xa trăm ngàn đợt sóng nhấp nhô, nhưng kỳ thật không lượn lớn lượn nhỏ nào va chạm. Do làm sao hiểu được!

(Tử Lộ là học trò giỏi của Khổng Tử, tên Trọng Do, kêu tắt là Do) Tử Lộ hỏi:

- Vậy cớ nào Thầy buồn?

- Ta buồn vì có Khổng Khâu mà còn phường biện sĩ. Hạng Thác nhắc cho ta nhớ đến vai trò của kẻ biện sĩ. Biện sĩ chỉ thuyết cho sự lợi ích mà không thuyết cho chân lý. Khắp thiên hạ, kẻ cầu lợi đông như kiến cỏ, người hướng về chân lý đốt đuốc khó tìm. Thế sự trôi chảy không ngừng. Chính Đạo của ta liệu truyền lưu được bao lâu nữa? Đó chẳng phải là điều đáng buồn hay sao?

Giai thoại này được Đức Chí Tôn giảng lại trong bài “Luyện kỷ tu thân” trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Các con nên hiểu rằng: Lúc Đức Khổng Tử dạy về Nhơn đạo thời chưa thông Thiên đạo, còn dùng tửu nhục. Đến khi ngộ Đạo cùng Hạng Thác thì trì trai thủ giới, nên mới có câu:*

*Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí,*

*Tánh mạng công phu thỉ bất minh,*

*Vãng Trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư,*

*Lão tác đồ ti thiếu vi tôn.”[[4]](#footnote-4)*

(Tạm dịch: Trời sinh Khổng Tử là bậc trí tuệ thực sự phi phàm, nhưng lúc đầu việc công phu tu tánh luyện mạng thì chưa hiểu rõ. Trên đường qua nước Trần gặp Hạng Thác bái làm thầy. Người lớn tuổi xem đứa trẻ thấp hèn là tôn quý.)

*“Người mới tu, đạo hạnh phải giữ cho hoàn toàn, trước Nhơn đạo cho xong, rồi sau bèn học đến Thiên đạo là tầm cơ siêu thoát ra khỏi thế giới vật chất mà đến cõi thế giới* *tinh thần.”[[5]](#footnote-5)*

**SỨ MẠNG ĐẠI THỪA LÀ GÌ?**

Đức Thượng Đế khai mở ĐĐTKPĐ, con người đã được phó giao trọng trách thực hiện công cuộc cứu độ, chuyển đổi thế đời cơ mạt pháp buổi Hạ nguơn sang đời Thánh đức. Trọng trách thiêng liêng đó gọi là sứ mạng Đại thừa vì không những tự giải thoát chính mình mà còn phải giải thoát tha nhân, theo như lời Đức Đông Phương Chưởng Quản:

*“Tu một thân mà muôn kẻ hưởng nhờ cùng,*

*Rèn một chí mà trăm dân noi dấu Thánh.*

*Đạo vô thượng phải ráng tu tâm luyện tánh,*

*Đức vô cùng muôn hạnh gắng giồi trau.*

*Muốn độ đời đừng phân biệt thấp cao,*

*Muốn giúp người chớ chấp ngã nhân, ngu trí.”[[6]](#footnote-6)*

Như vậy, sứ mạng Đại thừa nói nôm na dễ hiểu là con người dùng công năng tu luyện của chính mình để độ dẫn cứu giúp chúng sanh nhân loại trở về đạo lý thoát khỏi biển trầm luân, chuyển hóa cõi đời tao loạn thành xã hội đại đồng, tìm thấy nẻo sinh tồn giữa thời mạt hạ trong cơn nước lửa của Đại hội Long Hoa. Đó cũng chính là con đường Tứ hoằng thệ nguyện mà Đức Lục Tổ Huệ Năng đã chỉ ra sau khi Ngài giảng về Vô tướng sám hối trong Phẩm thứ sáu của Pháp Bửu Đàn Kinh đã được Đức Ngô Minh Chiêu dịch ra quốc ngữ khi còn tại thế:

*“Một là sanh chúng hằng hà,*

*Dốc lòng cứu vớt lòng ta thề nguyền.*

*Hai là phiền não nối chuyền,*

*Thề nguyền đoạn tuyệt như thuyền ra khơi.*

*Ba là chí học chiều mơi,*

*Phép mầu sâu nhiệm thảnh thơi có ngày.*

*Bốn là Phật đạo công dày,*

*Nguyện thành chánh quả, kíp tày chí tu.”[[7]](#footnote-7)*

**TẠI SAO PHẢI MANG VÀO SỨ MẠNG ĐẠI THỪA?**

Người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng Đại thừa là bởi vì, trước hết Đại thừa có ý nghĩa là phương pháp tu luyện bí truyền cao trổi đã được Phật Tổ Như Lai xác tín từ mấy ngàn năm trước có công năng giúp con người tìm thấy sự giải thoát khỏi vòng sanh tử, để linh hồn được tự do, tự tại trở lại cõi vô sanh như lời dạy của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*“Nắm máy huyền linh hiệp chí linh,*

*Thoát vòng sanh tử ấy trường sinh,*

*Đại thừa chánh pháp hành Thiên Đạo,*

*Chín cõi mười phương vốn một tình.”[[8]](#footnote-8)*

Con người phải chấp nhận mang vào sứ mạng Đại thừa vì đó là điều kiện cần yếu, một nhiệm vụ thiêng liêng mà Đức Thượng Đế đã phó giao cho con người phải thực hiện nếu muốn đạt được sự giải thoát. Nói một cách khác, mang vào sứ mạng Đại thừa tức là tu hành theo đúng đạo Trời, trở về cùng Thiên lý, cũng gọi là hành Thiên đạo Đại thừa để giải thoát cho chính mình và cho tha nhân, đến cả cộng đồng xã hội tức là thực hiện sứ mạng Đại thừa:

*“Người hành giả quyết tâm học chánh pháp đại thừa là có sứ mạng cao cả để thực hành Thiên đạo trong xã hội. Nhân loại luôn luôn bị chi phối [bởi] những biến dịch tuần hoàn, mỗi giống dân tùy theo địa phương phong tục tập quán để cấu nhiễm vào tâm chơn thường, lần lần tạp nhiễm ấy biến con người trở nên tham dục. Vì chỗ vật dục sở tế mới có ly loạn nhơn tâm, vì nhơn tâm ly loạn mới gây nên thiên tai địa ách, sự liên hợp giữa con người hữu hình cùng các giới vô hình đều được cảm ứng liên quan chặt chẽ. Vì vậy, các hàng giáo chủ xưa kia muốn đánh thức giấc ngủ triền miên say đắm của dân tộc, của nhân loại, phải tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu cho nhơn loại. Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo trong một quốc gia để khai phóng con đường hồi sanh giác ngộ. Từ một tôn giáo đến một quốc gia, đến xã hội nhơn loài, cái chủ đích ấy không giáo chủ nào không thực hiện. Thế thì người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng Đại thừa.”[[9]](#footnote-9)*

**LÀM THẾ NÀO THỰC HIỆN SỨ MẠNG ĐẠI THỪA?**

**Giải thoát**

Sứ mạng Đại thừa trước tiên là giải thoát cho chính mình và tiếp theo là giải thoát cho mọi người. Quá trình tu học kéo dài suốt cuộc đời nhưng sự chứng ngộ hay giải thoát toàn diện có thể chỉ diễn ra trong giây phút mà thôi. Cho nên, người tu không thể đợi đến khi nào thực sự chứng ngộ mới thực hành sứ mạng Đại thừa mà ngay khi bước vào Thiên đạo, với tâm chí thành thì đã có thể thực hiện sứ mạng Đại thừa, bởi vì Thánh giáo đã dạy: *“Người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng Đại thừa.”[[10]](#footnote-10)*

Tuy nhiên, kết quả của việc thực hiện sứ mạng Đại thừa tùy thuộc vào trình độ tu tiến, tâm chí, mức độ tu luyện hay nói rõ hơn là tùy thuộc vào mức độ giải thoát của mỗi người. Giải thoát không chỉ có nghĩa là sự thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử sau khi giũ bỏ xác thân tứ đại, mà sự giải thoát phải đến ngay trong khoảng thời gian tu học sinh tiền trong từng hoàn cảnh như lời Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*“Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhơn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều “Không” mới là giải thoát. Đứng trước một xã hội tao loạn, người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để biến hoàn cảnh hiện tại tao loạn trở thành an nhiên, đó là giải thoát. Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi dẫy đầy sáng chói, người tu học Thiên đạo Đại Thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch tịnh của tâm, như núi Thái Sơn sừng sững trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển, đó là giải thoát. Ở vào cảnh vinh sang phú túc, nệm gấm chăn êm mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bồ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động vì có đó mà phải tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn, đó là một giải thoát nữa. Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm vẫn thấy như ngồi trên bàn thạch, hoặc ở chỗ thanh thoát bao la để biến hoàn cảnh ấy như gió thoảng như mây bay tụ tan không ngừng nghỉ, đó cũng là một phương giải thoát. Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề như cá trong nước, như rồng trong mây, có thể hòa hợp tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có, đó cũng là phương giải thoát. Tất cả Lão vừa phân qua đó, sơ lược đó, còn các mối nghiệp lực như thê tử, như phận sự là người con, người dân, vào bên trong như lục dục thất tình, xưa nay ai biết tu hành đều có bàn đến, những thứ ấy lại phải giải thoát bằng một phương pháp khác hơn, là phải tự mình giải quyết mọi vấn đề bằng bổn phận, bằng nội tâm. Khi tâm sáng suốt thì bổn phận nào cũng là bổn phận phải hoàn tất. Nói như vậy, có lẽ chư đệ muội nghĩ rằng nếu phải hoàn tất thì giờ còn đâu học đạo tu trì. Đó là đạo, đó là tu trì. Muốn song tu tánh mạng, không đợi thời gian tuổi tác, càng sớm bước càng hay, càng sớm bước càng đủ điều kiện để giải quyết bổn phận của chính mình trên con đường giải thoát. Nên Phật thường nói: “Lìa sanh tử không có niết bàn”. Phải chấp nhận như vậy, chấp nhận mà tâm không chấp nhận, tâm không chấp nhận thì tâm an nhiên, tâm an nhiên, mọi việc cũng sẽ an nhiên. Bởi tâm động nên tình đời mới động, nếu tâm lặng lẽ thì tình đời do đâu mà dấy động? Muôn việc do tâm, vạn pháp cũng do tâm, tâm chánh thì pháp chánh, tâm không sanh thì pháp không trụ. Pháp không trụ, tâm không sanh sẽ phát hiện linh quang từ chỗ nguyên sơ sáng chói vậy. Đây chỉ là mới bước đầu tiên của những người muốn giải thoát, khi thâm sâu vào đạo lý sẽ có phương pháp giải thoát siêu việt hơn.[[11]](#footnote-11)*

Muốn có được sự giải thoát thì hành giả phải quay vào bên trong tức phản tỉnh nội cầu, quán xét thân tâm, loại trừ Tam độc, điều phục thất tình lục dục, để Tâm hòa cùng thiên lý mà phát huy vốn báu thiêng liêng tự tánh thành công năng mang đến lợi lạc cho người, cho đời theo như Thánh giáo đã dạy:

*“Phương pháp thành công của các bậc Giáo tổ Đạo gia khi xưa, trước tiên là phản tỉnh nội cầu, hồi quang phản chiếu. Có nhìn vào trong, xem xét bên trong mới giảm bớt được sự thâu nạp vô tiết độ, khoát vén tảo trừ lớp vô minh che lấp bịnh hoạn chấp trước, phân biệt, ích kỷ, độc tôn,* *phiền não,v.v., tóm lại là những thứ vật tảo hại tâm linh mà ta nhận lầm là con, là quyến thuộc. Còn biết soi sáng vào mình thì mới thấy cơ năng hoạt động, sẽ hòa theo nhịp điệu Hóa Công mà phát huy cho công năng của nhân sinh, của vũ trụ.”[[12]](#footnote-12)*

Giải thoát có nhiều cấp độ từ thấp đến cao tùy theo mức độ tu tập của mỗi hành giả. Đây là một quá trình tiệm tiến theo thời gian. Đạo luôn vận hành trong nội thân mỗi người không bao giờ gián đoạn ngưng nghỉ. Tuy nhiên, do bức màn vô minh che phủ, do thất tình lục dục khuấy động, do tạp niệm chi phối nên Đạo bị che mờ, chơn tâm bị vọng tâm chế ngự lấn át. Chính vì thế chủ nhơn ông không thể nắm quyền chủ sử thì làm sao hành giả giữ được tâm thanh tịnh, đạt được giải thoát. Chỉ khi nào con người vẹt tan được bức màn vô minh, hàng phục được thất tình lục dục, kiểm soát được tạp niệm, tất nhiên sẽ làm tỏ rạng được Đạo trong nội thân, bừng sáng được chơn tâm với mức độ tương ứng. Hay nói một cách khác, khi tâm thanh tịnh được một phần thì hành giả sẽ giải thoát được một phần. Mức độ giải thoát có thể tăng lên hoặc giảm xuống tùy theo trình độ tu tập của hành giả trong từng giờ, từng ngày, từng giai đoạn của đời tu:

*“Tu hành từ thấp vượt lên cao,*

*Trải mấy công phu mấy khổ lao,*

*Tuyết phủ đầu non, non đổi sắc,*

*Gió lay mặt nước, nước phai màu*.”[[13]](#footnote-13)

Giải thoát có nhiều mức độ từ sơ cơ tiệm tiến đến đốn ngộ thâm sâu nhưng để tu tập hành trì cho đạt được kết quả, cần có sự quyết tâm của hành giả:

*“Đốn hoặc tiệm, tùy nơi giác ngộ của người hành giả có quyết tâm giải thoát hay không. Khi đã quyết tâm giải thoát, dầu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được.* ***Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm****,* ***không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng lục trần****, bởi tứ tướng còn nhân ngã, chúng sanh, thọ giả, lục trần là bụi cát bám lấy lục căn dấy động không giờ tịnh khiết.”[[14]](#footnote-14)*

Khi tâm của con người đạt được trạng thái giải thoát tức là đạt được cái Tâm của Trời Đất. Mà giải thoát tức là không bị ngoại cảnh bên ngoài chi phối. Tâm và cảnh không bị dính mắc vào nhau. Vì thế, con người noi theo Thiên đạo để thực hiện sứ mạng Đại thừa cũng giống như con người tu luyện sao cho đạt được Thiên Địa chi tâm vậy.

“*Thế sự có đổi thay, lòng người có dao động, cảnh vật có rộn ràng, nhưng đất trời vẫn muôn thuở. Người tu hành tâm pháp đạt kết quả là ở chỗ này "****Tâm là tâm, cảnh là cảnh mới thiệt là Thiên Địa chi tâm.****" Nếu tâm bị cảnh chi phối như dòng thác lũ cuốn lôi bao nhiêu cặn bã cuộc đời trôi theo cuồn cuộn thì dầu tuổi đạo là bao, tuổi đời là mấy chăng nữa, có chi gọi là chơn thường chi tánh của người hành giả đang tìm đường để tự giải thoát và giải thoát cho cuộc đời!”[[15]](#footnote-15)*

**Luyện kỷ**

Muốn đạt được Thiên Địa chi tâm, giải thoát mọi ràng buộc của cuộc sống thế gian thì hành giả phải trì công luyện kỷ, vì đó cũng là phương tiện thực hành sứ mạng Đại thừa, hướng đến đối tượng là tất cả chúng sanh. Nếu người tu Thiên đạo có luyện kỷ mới triệt thoái những tư kỷ, mới có thể hướng đến tha nhân, đại chúng.

*“Muốn xây dựng một nền tảng đạo đức cho muôn vạn ngôi nhà, không thể ngồi mà tưởng tượng được. Phải có công phu luyện kỷ.* ***Luyện kỷ chính là phương pháp tận độ quần linh trên sứ mạng Đại thừa Thiên đạo****.”[[16]](#footnote-16)*

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Luyện kỷ là luyện thân tâm cho thuần đạo đức, cương nhu trí dũng, không còn những biếng lười, những thói hư trần tục. Khi có tâm, có đạo, có ý, có thần tức là do chỗ sanh cơ diệu dụng mà có. Muốn tìm đến chỗ chơn không vô tư; muốn đạt đến chỗ nắm máy Thiên cơ tạo hóa thì cần phải luyện kỷ thuần thành, phải trau giồi đầy đủ thần lực, phải dẹp hết mọi vọng niệm, dục vọng, trừ mọi khảo đảo. Có như vậy thì công phu luyện kỷ của chư hiền đệ mới đi đến chỗ viên dung.”*

**Vong kỷ vị tha**

Muốn phụng sự nhân sanh cần quên bản thân mình, không còn cái gì là “của ta” nữa, mà tất cả vì Đạo, vì bá tánh chúng sanh. Đó chính là tinh thần vong kỷ vị tha. Đức Từ Tôn nhắc nhở:

“***Thiên đạo Đại thừa phải vong kỷ vị tha****. Kỷ mà các con còn vong thì có còn chi mà bám víu. Còn kỷ là các con còn chấp. Còn chấp là còn tranh thị phi thanh trược. Nếu như vậy thì sứ mạng khó hoàn thành đó các con. Muốn độ đời là phải hòa vào muôn ngàn sai biệt để giác ngộ người đời, giúp người tìm đến tâm linh đã tự có sẵn trong mỗi các con đó. Có như vậy thì sứ mạng các con mới hoàn thành*.”[[17]](#footnote-17)

Vong kỷ không có nghĩa là bỏ mặc thân xác này với cách gọi là khổ hạnh. Bởi vì pháp môn Cao Đài là tu tánh luyện mạng. Thân xác có khỏe mạnh thì tinh thần mới an lạc, tinh mới đầy đủ, khí mới sung mãn, thần mới mạnh mẽ để hành giả tu luyện. Vong kỷ có nghĩa là không nghĩ đến những lợi ích riêng tư, không vị ngã thành kiến chấp ngã, chấp nhân, dung hòa mọi dị biệt tạo thế nhân hòa trong đời sống thường nhật.

Vị tha cũng không phải chỉ trên lời nói mà luôn phát xuất từ nội tâm. Vị tha cần phải vong kỷ thì sự hiến dâng cho chúng sanh mới trọn vẹn, cao quý. Mà hiến dâng phụng sự cho chúng sanh, cũng chính là đã hiến dâng cho Thượng Đế một cách trân trọng nhất.

“*Thượng Đế vốn Hư Vô, muốn hiến dâng để phục vụ đó là ý hướng cao quý nhất, nhưng hành giả phải tu từ vạn thù đến vô sai biệt, từ hữu thể đến Hư Vô. Chỉ có Hư Vô mới hòa hiệp được cùng Hư Vô, cùng Thượng Đế*.”[[18]](#footnote-18)

Vong kỷ vị tha có thể được tóm gọn trong lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo: “*Lòng từ trải khắp, quên cả tự thân, lo cho tha nhân. Đó là thị hiện được tâm đức theo hạnh Bồ Tát Chơn Nhơn*.”[[19]](#footnote-19)

**Cứu độ chúng sanh**

Sứ mạng trị thế nhắm đến cứu cánh về phần nhân sinh, còn sứ mạng Đại thừa nói riêng, sứ mạng của tôn giáo nói chung lại nhắm đến cứu cánh về tâm linh. Tâm linh và nhân sinh cũng như đời và đạo, không thể tách rời nhau được, cho nên sứ mạng trị thế và sứ mạng trị tâm có mối quan hệ hỗ tương với nhau vì có cùng một đối tượng phụng sự là con người.

Đối tượng của sứ mạng đại thừa là tất cả chúng sanh và phương châm là tùy duyên hóa độ, bởi lẽ, đã là giải thoát thì hành giả đâu còn bị ràng buộc bởi những hệ lụy của trần gian, có thể linh hoạt tùy thời, tùy cảnh, tùy duyên mà đem lại sự ích lợi cho chúng sanh trên con đường giải thoát.

“*Những người có sứ mạng Đại thừa* ***phải tùy duyên hóa độ*** *không câu chấp vào hoàn cảnh xã hội chi cả mà tất cả là nhiệm vụ của người biết hành Thiên đạo Đại thừa để tạo cảnh hạnh phúc cho thế nhân.*”[[20]](#footnote-20)

Muốn tùy duyên hóa độ thì phải hòa vào cuộc đời, vào muôn vàn sai biệt nơi cõi hồng trần này một cách ung dung tự do tự tại.

*“Thu nhiếp càn khôn một túi đầy,*

*Thanh nhàn* *tự tại khắp đông tây,*

*Vui cùng Thiên Đạo hòa sanh chúng,*

*Tiên Phật là đây, Đạo cũng đây*.”[[21]](#footnote-21)

Phương tiện cứu độ vẫn không ngoài thân, khẩu và ý. Thân giáo không thể hiện ra bên ngoài bằng lời nói hoặc hành động, mà chỉ có việc tự mình nghiêm minh giới luật, tô bồi tâm hạnh để trở nên một chân hành giả thuần thành đạo đức. Cho nên, tuy mình tu luyện bản thân nhưng đã ảnh hưởng đến mọi người chung quanh do thần lực cảm hóa hiện ra bên ngoài qua diện mạo, ánh mắt, tướng đi, v.v. Đây cũng còn gọi là chánh kỷ hóa nhân.

*“Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng; Đạo cao nhứt trượng, ma cao đầu thượng. Nếu còn trong bám víu đầu trượng thì còn trong thế giới đối đãi, thì lòng từ huệ khó mà trải khắp mười phương hầu tận độ. Vì vậy, những người có sứ mạng Đại thừa phải tùy duyên hóa độ, không câu chấp vào hoàn cảnh xã hội chi cả, mà tất cả là nhiệm vụ của người biết hành Thiên đạo Đại thừa để tạo cảnh hạnh phúc cho thế nhân. Nói như thế để chư đệ muội ý thức những diễn tiến đổi thay là những cơ hội để người hành được Đạo cho chính mình và cho mọi người do tấm lòng vô ngại, để đến lúc bình thường thì lịch sử có chi đâu.”[[22]](#footnote-22)*

Mặt khác, người tín đồ Cao Đài đã thọ nhận pháp môn tu luyện đều có thể thực hiện Sứ mạng Đại thừa trong việc hồi hướng trước khi kết thúc mỗi thời công phu tọa thiền. Tuy đây chỉ đơn thuần việc dùng điển lực bằng tư tưởng để hồi hướng cho bá tánh chúng sanh nhưng đã tạo được công đức vô lượng. Điều này được xác tín trong bài Kệ hồi hướng:

*“Công đức tọa thiền lớn biết bao,*

*Phước lành hồi hướng khắp nơi nao,*

*Chúng sanh trầm nịch nguyền ra khỏi,*

*Nhập được huyền môn ngộ Đạo cao.”*

Nếu việc hồi hướng công phu của một tập thể sống đạo sẽ còn huyền nhiệm hơn gấp bội phần vì sẽ tạo ra một năng lực cứu độ vô cùng to lớn. Lúc ấy công năng đại định của các tịnh sĩ sẽ dệt thành một tấm lưới thiên vô hình có tác dụng vẹt tan màn hắc khí, có thể chuyển họa thành phước cứu độ chúng sanh.

“*Chư đệ muội có biết mình là* ***những thiên thần đang dệt tấm lưới thiêng*** *đó chăng? Đây là cơ hội mà Đức Lão Tổ đã dành cho chư đệ muội để làm đầu mối tự độ, độ tha.”[[23]](#footnote-23)*

Mặt khác, sự cầu nguyện cũng đạt được công đức vô lượng nếu hội đủ hai điều kiện căn bản là sự cầu nguyện không phục vụ cho ước vọng riêng tư của bản thân mà phải hướng đến tha nhân, sự cầu nguyện đó thực hành trong chánh niệm và bình đẳng. Như vậy, bất luận người tín đồ Cao Đài nào, dầu đã thọ pháp môn hay chưa thọ pháp môn cũng đều có thể thực hiện được.

Như vậy, mỗi người tín đồ Cao Đài là một Thiên ân đều có thể thực hiện việc cứu độ chúng sanh tùy theo cơ duyên và hoàn cảnh của mỗi người. Sứ mạng Đại thừa nhắm đến sự cứu rỗi tâm linh với nhiều hình thức đa dạng từ tư tưởng, lời nói đến hành động. Về tư tưởng, hồi hướng công đức tọa thiền hay việc cầu nguyện đều mang lại công năng rất to lớn và mầu nhiệm cho chúng sanh. Về lời nói, pháp thí giúp củng cố và nung nấu đức tin, chia sẻ và soi sáng mọi người trên con đường giải thoát. Về việc làm, những nghĩa cử đầy tình thương có tác dụng trợ duyên, vun xới tình đạo mạch để mọi người cùng học, cùng tu, cùng tiến bộ.

Trong trường hợp vì lý do nào đó mà người tín đồ Cao Đài chưa đủ duyên hạnh thực hiện được sứ mạng Đại thừa, thì thiết tưởng cũng cần gieo hạt giống Đại thừa bằng cách tạo mọi điều kiện cho các tịnh viên tu luyện như hộ tịnh, pháp thí, hỗ trợ tài lực cho những tịnh viên có đời sống khó khăn, công quả xây dựng thiền đường, v.v. Tóm lại, đây là những trợ duyên góp phần trực tiếp hay gián tiếp cho mục tiêu Thiên đạo Giải thoát, để chúng sanh thoát vòng luân hồi sanh tử. Kết quả gieo duyên Đại thừa nếu chưa thành tựu trong kiếp này thì nó cũng sẽ kết quả trong kiếp lai sinh.

“*Nhơn năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhơn, nghĩa là người làm cho sáng tỏ đạo pháp, chớ đạo pháp không thể làm cho người sáng tỏ được. Bởi vậy, người giác ngộ phải gia công tu học để chứng đến chỗ chí diệu chí chơn, mà mở mang truyền bá đạo Trời, cứu người thoát vòng sanh tử. Người phải cố công chiều sớm trau dồi tâm tánh, để hợp cùng lẽ Đạo, không phải chỉ ăn chay, đi chùa, lễ bái, tụng kinh, làm đôi việc nghĩa mà gọi rằng đủ, mà phải* ***gieo duyên tạo quả Đại thừa****, hầu mới đạt đến chỗ bất sanh bất diệt (…) Dầu ngày này chưa tu, kiếp này chưa đạt, nhưng hạt giống ấy đã gieo, tất có ngày đơm bông trổ trái*.”[[24]](#footnote-24)

**KẾT LUẬN**

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy rằng:

*“Người tu học vào hàng Thiên đạo Đại thừa là đã lập tâm giải thoát, mà chỉ những con người biết giải thoát mới thấu hiểu Thiên đạo để chấp nhận sứ mạng Đại thừa.”[[25]](#footnote-25)*

Điều quan trọng trên bước Đại thừa là phải giữ cho được tâm chuyên nhứt, bởi vì tâm chuyên nhứt sẽ quyết định con đường phản bổn hoàn nguyên cũng như sự hoàn thành sứ mạng Đại thừa, đồng nghĩa với sự giải thoát của hành giả:

*“Phải giữ tâm chuyên nhứt cho bước đạo được vững vàng, khắc kỷ phục lễ[[26]](#footnote-26) để quyền pháp nghiêm minh, hòa quang hỗn tục để thực hiện sứ mạng Đại thừa thì Thiên đạo không xa vậy.*

*Nhứt là cực của Vô Cực, là đại bản thể, là chơn như. Người học đạo chỗ tâm truyền là đó. Ngàn kinh muôn điển đạo thơ cũng nhắm vào đó. Nay chư hiền đệ, hiền muội trên đường học đạo tu trì nào có khác chi đâu. Tôn giáo có nhiều mà chỗ chứng quả vô thượng của con người giải thoát là Phật, Thánh, Tiên, tuy Tam Tông[[27]](#footnote-27) cũng do chơn tông Vô Cực mà có.*

*Xét biết như vậy để người tu hành thoát khỏi nhân duyên, dẹp bỏ tam tâm tứ tướng[[28]](#footnote-28), đồng đi vào chỗ nhứt nguyên trung đạo. Có như vậy, Đạo mới thể hiện được sự cứu cánh thực sự cho chúng sanh. Chư hiền đệ hiền muội là hàng Thiên ân chấp trì[[29]](#footnote-29) quyền pháp, là những người tín đồ trung kiên đang gồng gánh sứ mạng Đại thừa, hằng được sự chỉ giáo của Thiêng Liêng, há lại không nhìn vào đó, làm theo đó, giải thoát cho mình và giải thoát cho người sao?[[30]](#footnote-30)*

*Thiên đạo trường lưu khắp vạn loài,*

*Chuyển cơ tiến hóa nhiệm mầu thay,*

*Đại Thừa sứ mạng hành Thiên đạo,*

*Nào quản hè đông nẻo dặm dài.[[31]](#footnote-31)*

1. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-1)
2. *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 24-9 Bính Tý, bài “Giải nghĩa bốn chữ Đại Thừa Chơn Giáo”. [↑](#footnote-ref-2)
3. *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 09-8 Bính Tý (1936), bài “Khởi Trung Tâm Đạo”. [↑](#footnote-ref-3)
4. *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 11-8 Bính Tý (1936). [↑](#footnote-ref-4)
5. *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 09-8 Bính Tý (1936), bài “Khởi Trung Tâm Đạo”. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Minh Đức Tu Viện, 04-01 Bính Thìn (03-02-1976). [↑](#footnote-ref-6)
7. Nguyên văn: “*Nầy thiện tri thức, đã sám hối xong, vì Thiện tri thức phát Tứ hoằng thệ nguyện, mỗi người phải dụng tâm chánh lắng nghe:*

*Tự tâm* ***chúng sanh vô biên thệ nguyện độ****.*

*Tự tâm* ***phiền não vô biên thệ nguyện đoạn.***

*Tự tánh* ***pháp môn vô tận thệ nguyện học****.*

*Tự tánh* ***vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành****.*

*Này Thiện trị thức, cả thảy đâu chẳng nói: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, nói thế ấy, vả lại không phải là Huệ Năng độ. Này Thiện tri thức, chúng sanh trong tâm, chỗ gọi tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm ác độc, những tâm như thế trọn là chúng sanh, mỗi mỗi nên Tự tánh tự độ, ấy gọi là chân độ.*

*Sao gọi là Tự tánh tự độ? Tức tự trong tâm những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, đem chánh kiến mà độ. Đã có chánh kiến bèn sử dụng trí Bát nhã đánh phá những chúng sanh ngu si mê vọng, mỗi mỗi tự độ, tà đến thì chánh độ, mê đến thì ngộ độ, ngu đến thì trí độ, ác đến thì thiện độ, độ như thế gọi là* ***chân độ****. Lại phiền não vô biên thệ nguyện đoạn, đem Tự tánh Bát nhã trí trừ tâm tư tưởng hư vọng ấy. Lại pháp môn vô tận thệ nguyện học, phải tự thấy tánh của mình, thường hành chánh pháp, ấy gọi là* ***chân học****. Lại vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành, đã thường hay hạ tâm hành nơi chân chánh, lìa mê, lìa giác, thường sanh Bát nhã trừ chân trừ vọng, tức thấy được Phật tánh, ngay nơi lời nói, liền thành Phật đạo, thường nhớ tu hành, ấy là pháp nguyện lực*.” [↑](#footnote-ref-7)
8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-5 Kỷ Mùi (26-5-1979). [↑](#footnote-ref-8)
9. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-9)
10. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-10)
11. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-11)
12. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977). [↑](#footnote-ref-12)
13. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Kỷ Mùi (11-02-1979). [↑](#footnote-ref-13)
14. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-14)
15. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976). [↑](#footnote-ref-15)
16. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977). [↑](#footnote-ref-16)
17. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Đinh Tỵ (26-9-1977). [↑](#footnote-ref-17)
18. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-02 Mậu Ngọ (06-3-1978). [↑](#footnote-ref-18)
19. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 nhuần Nhâm Tuất (06-6-1982). [↑](#footnote-ref-19)
20. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977). [↑](#footnote-ref-20)
21. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-21)
22. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977). [↑](#footnote-ref-22)
23. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-12 Bính Dần (31-12-1986). [↑](#footnote-ref-23)
24. Đức Hưng Đạo Đại Vương, Bác Nhã Tịnh Đường, 28-11 Tân Hợi (14-01-1972). [↑](#footnote-ref-24)
25. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Bính Thìn (11-7-1976). [↑](#footnote-ref-25)
26. *Khắc kỷ phục lễ:* chế ngự tư tâm, lòng tà để hồi phục lẽ Trời nơi lòng mình. [↑](#footnote-ref-26)
27. *Tam Tông:* Nho, Thích, Lão. [↑](#footnote-ref-27)
28. *Tam tâm:* tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai.

*Tứ tướng:* có ba nghĩa:

(1) bốn tướng khổ của con người (*sanh, lão, bệnh, tử*).

(2) bốn tướng biến dịch trong vũ trụ (*thành, trụ, hoại, không*, hay *sanh, trụ, dị, diệt*).

(3) bốn tướng mà con người hay chấp vào (*ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng,* gọi tắt là *ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả*). Do chấp bốn tướng này mà con người thấy có ta, có người, có chúng sanh, có thọ mạng ngắn hay dài. [↑](#footnote-ref-28)
29. *Chấp trì:* nắm giữ. [↑](#footnote-ref-29)
30. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-30)
31. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977). [↑](#footnote-ref-31)